

Bản án số: 356/2020/HC-PT

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLPT-
HC ngày 14 tháng 01 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi
hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 730/2020/QĐ-PT ngày
18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Võ Văn K, sinh năm 1951 (xin xét xử vắng mặt);

1.2. Võ Văn S1, sinh năm 1953 (vắng mặt);

1.3. Võ Văn D, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường HV, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng
Tháp.

1.4. Võ Thị Nh, sinh năm 1956 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 93, đường NĐC, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng

Tháp.

1.5. Võ Tấn P, sinh năm 1966 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường NĐC, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Võ Thị C, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cảnh: Ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1947; Địa chỉ: ấp 4, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

1.7. Võ Thị S, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 206, Đường HV, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sum: Luật sư Bạch Tuyết H – Văn phòng Luật sư PT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phố HDD, phường ND, Quận DD, Thành phố Hà Nội (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện Võ Thị S, Võ Văn K, Võ Văn S, Võ Văn D, Võ Thị Nh, Võ Tấn P: Ông Lê Tùng Ch, sinh năm 1956 (theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018) (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, khóm 3, Phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

1.8. Võ Thị T, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường NQ, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Võ Thị T: Chị Võ Thị S, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018) (có mặt);

Địa chỉ: Đường HV, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.9. Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 204, Đường HV, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Võ Thị Tuyết H: Ông Lê Tùng Ch, sinh năm 1956 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2018) (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 28, khóm 3, Phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thị xã HN;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã HN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng T, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã HN (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn N, Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm AT A, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân

dân thị xã HN, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã HN: Ông Lê Hữu Th, Chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã HN (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm AT A, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, Chức vụ: Chủ tịch;

Cùng địa chỉ: Số 12, đường 30/4, Phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Thanh S, Chức vụ: Trưởng Ban tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: VTT, Phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh Ph, Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 03, ấp AL, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Thanh S, Chức vụ: P. Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp - Trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 32, Quốc lộ 30, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Đặng Quốc T, sinh năm 1954 (vắng mặt);

3.3. Ngô Thị Ngọc C, sinh năm 1959 (vắng mặt);

3.4. Đặng Quốc N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.5. Đặng Quốc B, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp BT, xã TCC, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Trần Phước Th, sinh năm 1949;

3.7. Nguyễn Thị L, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: Ấp AT, xã AP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Trần Thị Thu H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: NĐC, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 1982;

3.10. Trần Thị Ánh S, sinh năm 1985;

3.11. Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp AT, xã AP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị L, Trần Thị Ánh Ng, Trần Thị Ánh S, Trần Thị Ngọc G, Trần Thị Thu H: Ông Trần Phước Th, sinh năm 1949 (*theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019*);

Địa chỉ: Ấp AT, xã AP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Ngân hàng X (Ngân hàng X- Chi nhánh Đồng Tháp).

Địa chỉ: NH, Phường 2, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị S, ông Võ Văn K, ông Võ Văn S, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Nh, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị C và bà Võ Thị Tuyết H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Người khởi kiện gồm bà Võ Thị S, ông Võ Văn K, ông Võ Văn S, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị T, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị C, bà Võ Thị Tuyết H và Ông Lê Tùng Ch, bà Võ Thị S trình bày:

Cha bà S là ông Võ Văn Đ (chết năm 1971) và mẹ là Thái Thị M (chết năm 2013) thừa hưởng đất của ông bà để lại tại phường AT, thị xã HN diện tích 6.566m² theo bằng khoán điền thổ số 63 do Trường ty Điền Địa cấp ngày 02/11/1942, sao lục họa đồ ngày 10/9/1970, giấy xác nhận của chính quyền địa phương ngày 28/12/1995.

Năm 1984, Ủy ban nhân dân huyện HN (nay là thị xã HN) trưng dụng diện tích đất là 2.774m² nhưng không có quyết định thu hồi đất, không có giấy trưng dụng, trưng thu. Sau khi trưng dụng, đất bỏ trống nên gia đình bà M tiếp tục sử dụng 13 năm. Đến ngày 13/3/1997, Ủy ban nhân dân huyện HN ban hành quyết định số 218/QĐ-UB giải quyết trả thành quả lao động khu đất ao thủy sản. Do bồi thường không đúng với bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 20/12/1994 nên bà M khiếu nại.

Ngày 23/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 181/QĐ.UB- ND về việc giải quyết tranh chấp giữa bà Thái Thị M với Ban kiến thiết công trình ao Thủy sản. Ngày 26/11/2002, Chủ tịch UBND huyện HN ra quyết định số 1039/QĐ-UB về việc cưỡng chế thi hành quyết định số 181/QĐ.UB-ND ngày 23/6/1998. Bà M khiếu nại nhiều năm đến các cấp có thẩm quyền, ngày 13/01/2016, Thanh tra Chính phủ thành lập tổ công tác theo công văn số 343/CIII-NV3 có kết luận nhận xét “*Năm 1984, khi thu hồi đất của 05 hộ gia đình để quy hoạch làm Chợ, Ao nuôi Thủy sản nhưng Ủy ban nhân dân huyện HN không ban hành quyết định thu hồi đất, không có giấy trưng dụng, trưng thu, biên bản thu hồi đất. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện HN không thực hiện đúng quy định tại khoản c, mục 3, phần V của Quyết định*

201/QĐ-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước” (5 hộ bị thu hồi đất bao gồm: Thái Thị M, Nguyễn Thị M1 và 03 hộ khác).

Ngày 20/02/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp có Thông báo số 48/TB-VPUBND, có kết luận chỉ đạo “về trình tự, thủ tục trưng dụng đất của bà Thái Thị M vào năm 1984 là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật tại thời điểm trưng dụng. Mặt khác, hộ bà M chưa được cấp đất khác theo điểm c khoản 3 mục V của quyết định số 201/QĐ-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ. Do đó, xét thấy khiếu nại của bà M là có căn cứ”.

Ngày 13/01/2016, tại Biên bản làm việc giữa Thanh tra Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã thống nhất ý kiến phương án giải quyết “Đối với diện tích quy hoạch công viên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp vận dụng chính sách hỗ trợ cho bà M với hình thức quy đổi giá trị đất”.

Tiếp đến ngày 04/02/2016, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 87/VPUB-TCD thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp: Đề xuất Ủy ban nhân dân thị xã HN “Vận dụng chính sách hỗ trợ cho bà M với hình thức quy đổi giá trị đất”.

Ngày 19/01/2017, chị S nhận được Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho những người thừa kế hợp pháp của bà Thái Thị M. Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT đã căn cứ quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống với 02 khoản: Hỗ trợ về đất là 1.525.975.000 đồng; Hỗ trợ giá trị thu nhập ròng là 286.239.616 đồng. Tổng số tiền 1.812.215.000 đồng. Gia đình chị S không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/6/2017, Ủy ban nhân dân thị xã HN ban hành Thông báo số 90/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại vì “Thời hiệu khiếu nại đã hết”.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Công văn số 314/VPUBND-TCD ngày 07/6/2017: Giao Ủy ban nhân dân thị xã HN hủy quyết định 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017.

Ngày 20/6/2017, Ủy ban nhân dân thị xã HN ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT về việc hủy quyết định số 01/QĐ-UBND-HT.

Ngày 20/6/2017, Ủy ban nhân dân thị xã HN ban hành Thông báo số 82/TB-BQLDA về việc nhận tiền hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho những người thừa kế hợp pháp của bà M.

Gia đình chị S không đồng ý và tiếp tục khiếu nại Quyết định 40/QĐ-UBND-HT ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN do Ủy ban nhân dân thị xã HN không có quyết định mới thay thế Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT.

Ngày 28/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Thông báo số 99/TB-UBND về việc chấm dứt thụ lý, xem xét, giải quyết khiếu nại.

Trước đây, bà M, chị S và anh em của chị S đã khiếu nại và xin đổi thoại, xin gặp Chủ tịch tỉnh nhiều lần nhưng Phòng Tiếp dân không cho gặp, làm cho người dân quá bức xúc.

Ủy ban nhân dân thị xã HN không giải quyết thỏa đáng mà ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 01/6/2017 chấm dứt quyền khiếu nại và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp thay vì giải quyết khiếu nại bằng quyết định thì lại ban hành Thông báo chấm dứt giải quyết khiếu nại, như vậy là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình chị S.

Nay chị S và các anh chị em của chị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN;

2. Hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho những người thừa kế hợp pháp của bà Thái Thị M;

3. Hủy Thông báo số 90/TB-UBND ngày 01/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại;

4. Hủy Thông báo số 99/TB-UBND ngày 28/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc chấm dứt thụ lý, xem xét, giải quyết khiếu nại;

5. Hủy Văn bản số 258/UBND-TCD ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc trả lời đơn khiếu nại của chị Võ Thị S, ngụ Phường AT, thị xã HN;

6. Hủy Quyết định số 218/QĐ-UB ngày 13/3/1997 của Ủy ban nhân dân huyện HN về việc giải quyết thành quả lao động khu đất ao thủy sản;

7. Hủy Quyết định số 181/QĐ-UB-ND ngày 23/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Thái Thị M và Nguyễn Thị M1 đồng cư ngụ ấp A2, thị trấn HN với Ban kiến thiết công trình ao thủy sản huyện HN, tỉnh Đồng Tháp;

8. Hủy Quyết định số 1039/QĐ-UB ngày 12/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện HN về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 181/QĐ-UB-ND ngày 23/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

9. Hủy Quyết định số 1202/QĐ-UB ngày 12/12/2002 của Ủy ban nhân dân huyện HN về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất thổ cư giữa hộ bà Thái Thị M với hộ ông Đặng Quốc T và hộ ông Trần Phước Th đất ở khu vực nội ô Thị trấn HN;

10. Hủy Quyết định số 119/QĐ-UB ngày 11/02/2003 của Ủy ban nhân dân huyện HN về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Thái Thị M, cư ngụ ấp AT A2, thị trấn Hồng Ngự;

11. Hủy Quyết định số 450/QĐ-UB-ND ngày 11/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa

bà Thái Thị M, ngụ ấp AT A2, thị trấn Hồng Ngự, huyện HN với ông Đặng Quốc T, ngụ Ấp Bắc Trang, xã TCC, huyện TH và ông Trần Phước Th, ngụ xã Tân Phước, huyện TH;

12. Buộc Ủy ban nhân dân thị xã HN bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật cùng giá trị tài sản của gia đình chị S bị cưỡng chế trái pháp luật với số tiền là 1.625.970.240 đồng;

13. Buộc Ủy ban nhân dân thị xã HN tính giá trị đất của gia đình chị S là đất nông nghiệp trong khu dân cư đô thị đã được quy hoạch thành khu dân cư đô thị từ năm 1998 đến nay là đất ở tại đô thị về giá đất và áp dụng khoản 1, Điều 21, Chương 2, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở, đã được quy định: *“Ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 30 - 70% giá đất ở của thửa đất đó; diện tích hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở địa phương”*. Hiện trạng lúc cưỡng chế có 03 căn nhà cấp 4 của 03 hộ và 10 nhân khẩu trong gia đình (03 hộ gia đình tương đương $3.000m^2$ theo hạn mức giao đất ở $200m^2/hộ \times 5 = 1000m^2$ và 03 căn hộ = $3.000m^2$) để tính toán. Giá trị đất được tính toán theo Đơn giá tại bảng giá đất của Ủy ban nhân dân Tỉnh tại vị trí là 8.400.000 đồng/ m^2 VT1, loại 1 để quy đổi: $[(8.400.000 \text{ đồng} \times 70\% + 110.000) \times 2.774m^2] = 16.341.634.000$ đồng. Người khởi kiện thống nhất thay đổi, điều chỉnh yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã HN bồi thường tổng cộng với số tiền là 16.000.000.000 đồng;

14. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Phước Th (đã tặng cho con là Trần Thị Thu H ngày 04/01/2017);

15. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đặng Quốc T (đất hiện do anh em của chị S đang quản lý sử dụng);

16. Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện HN trong việc trưng dụng và cưỡng chế đất của bà M.

Tại phiên đối thoại Ông Lê Tùng Ch đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 218, số 181, số 1039, số 1202, số 119, số 450, số 01 số 40; Công văn số 258; Thông báo số 90, số 99;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Phước Th (đã tặng cho con là Trần Thị Thu H ngày 04/01/2017);

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đặng Quốc T (đất hiện do anh em của chị S đang quản lý sử dụng);

Buộc Ủy ban thị xã HN bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật giá trị tài sản bị cưỡng chế trái pháp luật với số tiền 1.625.970.240 đồng;

Buộc Ủy ban thị xã HN bồi thường về đất với số tiền là 16.000.000.000 đồng;

Rút yêu cầu về Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện HN trong việc trưng dụng và cưỡng chế đất của bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ông Lê Tùng Ch đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu:

Hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT ngày 20/6/2017 và Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017;

Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định số 218, số 181, số 1039, số 1202, số 119, số 450; Công văn số 258; Thông báo số 90, số 99; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Phước Th (đã tặng cho con là Trần Thị Thu H ngày 04/01/2017); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đặng Quốc T;

Rút yêu cầu buộc Ủy ban thị xã HN bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật giá trị tài sản bị cưỡng chế trái pháp luật với số tiền 1.625.970.240 đồng;

Rút yêu cầu buộc Ủy ban thị xã HN bồi thường về đất với số tiền là 16.000.000.000 đồng;

Yêu cầu xem xét về Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện HN trong việc trưng dụng và cưỡng chế đất của bà M.

Chị Võ Thị S đại diện theo ủy quyền của Võ Thị T thống nhất theo ý kiến trình bày của Ông Lê Tùng Ch.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã HN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã HN trình bày:

Trước năm 1984, bà M trực tiếp sử dụng đất canh tác trồng lúa và hoa màu, đến năm 1984 Nhà nước trưng dụng lấy đất nâng cấp Quốc lộ 30 và phục vụ cho một số công trình phúc lợi khác. Sau năm 1986, khi lấy đất xong cải tạo thành Ao thủy sản.

Ngày 02/9/1988, bà Thái Thị M có đơn khiếu nại về đất của bà đã bị Nhà nước lấy đất đào ao thủy sản và bà yêu cầu trả lại đất và phải bồi thường.

Ngày 29/4/1996, Ủy ban nhân dân huyện HN đã ban hành văn bản số 41/CV-UB, về việc trả lời vấn đề xin cấp nền nhà khu vực san lấp ao thủy sản; không thống nhất yêu cầu giải quyết 04 nền nhà của bà Thái Thị M (do bà M có diện tích là 1.931,85 m²).

Ngày 13/3/1997, Ủy ban nhân dân huyện HN ban hành Quyết định số 218/QĐ-UB về việc giải quyết trả thành quả lao động khu đất ao thủy sản. Cụ thể bà M được giải quyết trả thành quả lao động theo giá 5.000đ/m², tổng số tiền bà M nhận được là: 1.931,85 m² x 5.000 đồng = 9.659.250 đồng. Đồng thời bán lại cho bà 01 nền nhà trong khu vực ao thủy sản với giá 50% giá của Ban kiến thiết công trình.

Bà M không đồng ý với quyết định của Ủy ban nhân dân huyện HN và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 23/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 181/QĐ.UB-NĐ, chuẩn y Quyết định số 218/QĐ.UB ngày 13/3/1997 của Ủy ban nhân dân huyện HN.

Bà M không thống nhất với các quyết định đã ban hành nên không chấp hành.

Ngày 12/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện HN ban hành Quyết định số 1039/QĐ-UB về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 181/QĐ.UB-NĐ ngày 23/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Việc khiếu nại phần đất của bà M đã được giải quyết trả thành quả lao động, bà M không nhận và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 08/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện HN gửi tiết kiệm không thời hạn số tiền 15.200.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã HN.

Bà M tiếp tục khiếu nại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đến Thanh tra tỉnh. Ngày 25/10/2002, Thanh tra tỉnh ban hành Công văn số 467/TTr.XKT về việc trả lời đơn của bà Thái Thị M. Do không có phát sinh tình tiết mới nên Quyết định số 218/QĐ.UB và Quyết định số 181/QĐ.UB-NĐ là quyết định giải quyết cuối cùng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2005, Thanh tra Chính phủ có Quyết định số 2172/QĐ-TTCTP về việc thành lập Đoàn Thanh tra, đơn đốc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27/7/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 61/UBND-NC về việc kiểm tra, rà soát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22/9/2006, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 5137/VPCP-V.II, truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ: Giao Thanh tra Chính phủ phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thẩm tra, xác minh lại nội dung đơn khiếu nại của bà Thái Thị M báo cáo kết quả Thủ tướng Chính phủ.

Biên bản số 59/BB-UBND, ngày 19/10/2006 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp với Đoàn Thanh tra Chính phủ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh với Phó Vụ trưởng của Thanh tra Chính phủ làm Trưởng đoàn đã đưa ra giải quyết có vụ của bà Thái Thị M được kết luận như sau: Thống nhất giải quyết cho bà M 01 nền nhà không thu tiền sử dụng đất, trước đây theo Huyện là thu 50% tiền bán nền.

Ngày 27/10/2006, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 952/VPUBND-NC, về truyền đạt kết luận theo Biên bản số 59 nêu trên.

Ngày 11/12/2006, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7253/VPCP-V.II, truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ như sau:

Đồng ý với báo cáo kết luận của Thanh tra số 2199/TTCTP-KL ngày 20/11/2006 của Thanh tra Chính phủ;

Giao Thanh tra Chính phủ có văn bản trả lời người khiếu nại (bà Thái Thị M) biết kết quả kiểm tra, rà soát; yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ.

Qua kết quả kiểm tra, rà soát và xác minh, Đoàn Thanh tra xét thấy bà M đã bị trưng dụng đất từ năm 1984, diện tích đất của bà M đòi lại khu đất làm bến xe tải tạm. Thanh tra Chính phủ đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét bố trí cho bà M 01 nền nhà nằm ở mặt tiền đường ngay tại đất của bà đang khiếu nại với diện tích có ưu tiên và phù hợp.

Căn cứ chỉ đạo trên, ngày 10/7/2007, các ngành Huyện có Biên bản tiếp xúc với bà M và con là Võ Thị S, phổ biến việc chỉ đạo trên là giao cho gia đình bà M 01 nền chọn một trong hai nền tại khu dân cư ao thủy sản trên phần đất cũ của gia đình bà M, một là nền giáp Đường HV cấp nhà ông ba Hồng hoặc nền giáp đường NĐC đầu lưng với nền giáp Đường HV nhưng bà M không đồng ý mà yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất lại cho gia đình bà.

Ngày 29/12/2009, Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và Thanh tra khu vực III thuộc Thanh tra Chính phủ ban hành Công văn số 652/C.III-TH về việc chuyển danh sách các vụ việc khiếu nại, tố cáo cần thông báo chấm dứt xem xét, giải quyết theo Kế hoạch 319/KH-TTCTP của Thanh tra Chính phủ. Căn cứ danh sách này có vụ việc của bà M.

Ngày 20/02/2014, Văn phòng UBND Tỉnh ban hành Thông báo số 48/TB-VPUBND về ý kiến kết luận và chỉ đạo của Chủ tịch UBND Tỉnh về giải quyết các vụ khiếu nại phức tạp trên địa bàn Tỉnh. Đối với vụ việc của bà M giao Văn phòng UBND Tỉnh (Phòng Tiếp công dân, Phòng Nội chính) phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã HN tổ chức tiếp xúc, đối thoại với đại diện hộ bà M theo hướng đối đất với vị trí, diện tích phù hợp.

Đến năm 2016, Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho chị Võ Thị S và anh chị em chị S theo Thông báo số 325/TB-VPUBND ngày 19/10/2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh. Tuy nhiên, gia đình bà M đến nay vẫn không thống nhất các quyết định giải quyết từ cấp huyện, tỉnh, trung ương và tiếp tục gởi đơn.

Ngày 19/01/2017, Ủy ban nhân dân thị xã HN ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT về việc hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho những người thừa kế hợp pháp của bà Thái Thị M, các con bà M không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thị xã HN, lý do không ban hành quyết định mà ban hành thông báo.

Chị S và các anh chị em chị S không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/6/2017, Ủy ban nhân dân thị xã HN ban hành Thông báo số 90/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết đối với đơn khiếu nại của chị Võ Thị S.

Do đó, việc chị S và anh chị em chị S yêu cầu hủy Quyết định số 218/QĐ-UB ngày 13/3/1997, Quyết định số 1039/QĐ-UB ngày 12/11/2002 và Thông báo số 90 của Ủy ban nhân dân thị xã HN và Chủ tịch UBND thị xã HN là không có cơ sở.

Đối với Quyết định số 1202/QĐ-UB ngày 12/12/2002 của Ủy ban nhân dân huyện HN(nay là thị xã HN), về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất thổ cư giữa hộ bà Thái Thị M và với hộ ông Đặng Quốc T và hộ ông Trần Phước Th.

Nguồn gốc đất trước đây của ông Phạm Văn Gia tức ông ngoại của bà Thái Thị M. Đến năm 1986, Nhà nước quy hoạch khu mở rộng nội ô thị trấn Hồng Ngự. Sau khi quy hoạch Nhà nước có bố trí cấp nền nhà cho dân và cán bộ công nhân viên Nhà nước trong đó có hộ ông T được cấp 01 nền nhà ngang 10m, dài 30m và ông Th được cấp 01 nền ngang 10m, dài 20m. Trong quá trình quản lý sử dụng, hộ bà M tự lấn chiếm lại của hộ ông T và ông Th. Diện tích thực tế ông T còn sử dụng ngang 8,74m, dài 15m và hộ ông Th ngang 5,15m, dài 11,55m. Bà M tiếp tục khiếu nại đòi lại phần đất mà ông T và ông Th đang sử dụng.

Theo nội dung Quyết định số 1202: Bác yêu cầu khiếu nại đòi lại đất trong khu mở rộng nội ô thị trấn HN của bà Thái Thị M; Giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất thổ cư đang tranh chấp tại khu mở rộng nội ô thị trấn HN cho ông Đặng Quốc T và ông Trần Phước Th được tiếp tục sử dụng;

Hộ ông T và hộ ông Th phải bồi hoàn thành quả lao động cho hộ bà Thái Thị M là 20.000đ/m².

Bà M không đồng ý nhận nên ngày 03/3/2003, ông Trần Phước Th gửi tiết kiệm không thời hạn số tiền 1.190.000 đồng và ngày 20/01/2003 ông Ngô Quang Thế đại diện cho ông Đặng Quốc T gửi tiết kiệm không thời hạn số tiền 2.620.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh thị xã HN, hiện nay ông T và ông Th đã rút lại tiền gửi tiết kiệm gửi tại Ngân hàng.

Bà M không thống nhất và tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Tỉnh. Ngày 11/11/2003, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 450/QĐ-UB.NĐ, về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Thái Thị M với ông Đặng Quốc T và ông Trần Phước Th. Nội dung Chuẩn y Quyết định số 1202/QĐ-UB ngày 12/12/2002 của Ủy ban nhân dân huyện HN.

Do đó, việc chị S và anh chị em chị S yêu cầu hủy Quyết định số 1202/QĐ-UB ngày 12/12/2002 của Ủy ban nhân dân huyện HN là không có cơ sở.

Căn cứ chỉ đạo của cấp trên, ngày 10/7/2007 các ngành huyện HN có Biên bản tiếp xúc với bà M và con là chị Võ Thị S để giao cho gia đình bà M 01 nền

chọn một trong hai nền tại Đường HV hoặc giáp đường NĐC nhưng bà M không đồng ý mà yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất lại cho gia đình bà.

Do bà M không đồng ý nhận nền nhà nên Ủy ban nhân dân thị xã HN chưa giao nền cho gia đình bà M.

Ngày 20/6/2017, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã HN ban hành Thông báo số 82/TB-BQLDA về việc nhận tiền hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho những người thừa kế hợp pháp của bà Thái Thị M.

Tuy nhiên, chị S và các anh chị em chị S không thống nhất nhận hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống nên hiện nay chưa giao tiền.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ĐồngTháp trình bày:

Vụ việc khiếu nại của bà Thái Thị M (là mẹ của chị Võ Thị S và các đồng khởi kiện) được Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định giải quyết số 181/QĐ.UB-NĐ ngày 23/6/1998, chuẩn y Quyết định số 218/QĐ-UB ngày 13/3/1997 của Ủy ban nhân dân huyện HN (nay là thị xã HN), giải quyết bồi hoàn thành quả lao động cho bà Thái Thị M là 1.931,85m² và bà Nguyễn Thị M1 là 1.534,95m² với giá 5000đ/m². Ủy ban nhân dân huyện HN chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi hoàn này. Thời hạn trả chậm nhất đến ngày 31/12/1998 dứt điểm. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện HN, xem xét ưu tiên cho bà M và bà M1 mỗi người mua lại một nền nhà trong khu vực quy hoạch với giá giảm 50% so với giá quy định của Ban kiến thiết công trình. Bà Thái Thị M không thống nhất và khiếu nại.

Do bà M không nhận nên ngày 08/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện HN gửi tiết kiệm không thời hạn số tiền 15.200.000đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã HN số tiền bồi hoàn thành quả lao động.

Ngày 05/10/2015, Cục giải quyết khiếu nại, tố cáo và Thanh tra khu vực 3 (Cục III)- Thanh tra Chính phủ thành lập Tổ công tác theo Công văn số 343/CIH-NV3 đã tiến hành kiểm tra, rà soát trường hợp khiếu nại của bà Thái Thị M, kết quả kiểm tra, Tổ công tác thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp hướng giải quyết hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình bà Thái Thị M theo quy định của pháp luật.

Năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chỉ đạo xem xét hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho chị Võ Thị S và anh chị em chị S (theo Thông báo số 325/TB-VPUBND ngày 19/10/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp). Chị S và các anh chị em chị S không thống nhất, tiếp tục khiếu nại.

Ngày 28/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Thông báo số 99/TB-UBND về việc chấm dứt thụ lý, xem xét, giải quyết khiếu nại đối với chị Võ Thị S và các anh chị em chị S.

Chị S tiếp tục khiếu nại yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị cưỡng chế để thực hiện quyết định số 181/QĐ.UB-ND ngày 23/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ngày 06/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Công văn số 258/UBND-TCD trả lời đơn khiếu nại của chị S, lý do thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết.

Căn cứ Điều 11, Luật khiếu nại năm 2011; Văn bản số 8061/VPCP-KNTN ngày 10/10/2012 của Văn phòng Chính phủ, thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, về việc chấm dứt khiếu nại và chấm dứt các loại đơn đã giải quyết hết thẩm quyền; Công văn số 2695/TTCP-VP ngày 19/10/2012 về việc hướng dẫn thông báo chấm dứt giải quyết khiếu nại, tố cáo sau rà soát theo kế hoạch 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Chị S và anh chị em chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Thông báo số 99/TB-UBND ngày 28/01/2017 và Công văn số 258/UBND-TCD ngày 06/9/2017 là không có cơ sở.

Vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Thái Thị M với ông Đặng Quốc T và ông Trần Phước Th đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết tại Quyết định số 450/QĐ-UB.NĐ ngày 11/11/2003 đã có hiệu lực pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh xem xét thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Quốc T trình bày: Chấp hành theo 02 quyết định của huyện và tỉnh, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước Th trình bày: Chấp hành theo 02 quyết định của huyện và tỉnh, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp: Không có văn bản ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam: Không có văn bản ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HCST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, 32, 143, 157, 158, 173, 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 32 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc hỗ trợ quy đổi giá trị đất và hỗ trợ ổn định đời sống cho cho những người thừa kế hợp pháp của bà M.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu về hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện HN trong việc trưng dụng và cưỡng chế đất của bà M.

Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN.

Hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Ủy ban thị xã HN bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật giá trị tài sản bị cưỡng chế trái pháp luật với số tiền 1.625.970.240 đồng và yêu cầu buộc Ủy ban thị xã HN bồi thường về đất với số tiền là 16.000.000.000 đồng.

Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ cho đương sự nếu có yêu cầu.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho người khởi kiện số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000299 ngày 14/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và số tiền tạm ứng án phí người khởi kiện đã nộp bổ sung theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000713 ngày 21/11/2019, số 0000714 ngày 21/11/2019, số 0000715 ngày 21/11/2019, số 0000716 ngày 21/11/2019, số 0000717 ngày 21/11/2019, số 0000718 ngày 21/11/2019, số 0000719 ngày 21/11/2019, số 0000720 ngày 21/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã HN, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thị xã HN phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019, người khởi kiện bà Võ Thị S, ông Võ Văn K, ông Võ Văn S1, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị T, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị C và bà Võ Thị Tuyết H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và xem xét lại tiền án phí đối với các đồng thừa kế của bà Thái Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy các Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT, Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT, Thông báo số 90/TB-UBND, Thông báo số 99/TB-

UBND, Văn bản số 258/UBND-TCĐ, Quyết định số 1202/QĐ-UBND, Quyết định số 218/QĐ-UBND, Quyết định số 181/QĐ-UBND, Quyết định số 1039/QĐ-UBND. Buộc UBND thị xã HN tính giá đất nông nghiệp của người khởi kiện là giá đất trong khu dân cư. Hiện trạng lúc cưỡng chế đất có 03 căn nhà cấp 4 của 03 hộ và 10 nhân khẩu trong gia đình. Đồng thời xem xét lại số tiền nộp án phí đối với các đồng thừa kế của bà M trong vụ án cho đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ nội dung vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, tố tụng:

Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã được người kháng cáo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HCTST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thể hiện thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có ông Lê Thành T – Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân là bà Lê Thị Thanh Ph và bà Đặng Thị B. Tuy nhiên, biên bản nghị án thì thành phần tham gia nghị án các Hội thẩm nhân dân lại là bà Lê Thị Thanh Ph và ông Nguyễn Văn Đ (BL 941)” như vậy là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo người khởi kiện thì phần đất bị trưng dụng là 2.774m² có nguồn gốc của ông ngoại cụ M đã được chế độ cũ cấp tờ sao lục họa đồ năm 1970. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hành vi trưng dụng đất của Ủy ban nhân dân thị xã HN và các quyết định hành chính có liên quan.

Diện tích đất theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Ủy ban nhân dân huyện HN (nay là thị xã HN) là 1.931,85m² nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích là 2.774,5m². Tuy nhiên,

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do của việc chênh lệch diện tích đất đo đạc thực tế là 2.774,5 m² so với diện tích đất giải quyết trước đây là 1.931,85m² để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cho rằng các con của cụ M gồm rất nhiều người đã có chồng, có vợ, nhiều thế hệ cùng sống chung trên phần đất bị thu hồi.

Tại khoản 2, điểm a khoản 3 Mục IV của Quyết định số 201/QĐ-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ quy định: *“Nếu việc thu hồi không phải là do lỗi của người sử dụng đất hoặc bị trưng dụng đất thì người có đất bị thu hồi hoặc bị trưng dụng cần phải có đất để sử dụng thì được cấp đất khác. Nếu trên đất bị trưng dụng có nhà cửa, công trình xây dựng khác, hoặc trồng cây lâu năm hoặc trồng cây ngắn ngày chưa kịp thu hoạch đã phải phá bỏ thì được bồi thường thích đáng”*.

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”*.

Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh làm rõ gia đình cụ M gồm bao nhiêu hộ, có phải trước đây trên đất bị thu hồi có nhiều thế hệ cư ngụ hay không để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ những tình tiết này mà vẫn tuyên bác yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN là chưa có căn cứ vững chắc.

[2.3] Mặt khác, tại đơn kháng cáo người khởi kiện khởi kiện các quyết định liên quan đến khu đất. Bản án sơ thẩm nhận định người khởi kiện không yêu cầu hủy các quyết định liên quan đến Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN nhưng tại biên bản phiên tòa không thể hiện nội dung này. Theo quy định của pháp luật thì Tòa án phải xem xét toàn bộ các quyết định bị kiện và các quyết định khác có liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét Quyết định số 01/QĐ-UBND-HT ngày 19/01/2017 và Quyết định số 40/QĐ-UBND-HT ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã HN là thiếu sót.

[2.4] Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và về nội dung vụ án mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu. Hoàn trả lại cho người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị S, ông Võ Văn K, ông Võ Văn S1, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị T, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị C và bà Võ Thị Tuyết H.

2. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HCST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị S, ông Võ Văn K, ông Võ Văn S1, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị T, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị C và bà Võ Thị Tuyết H không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị S, ông Võ Văn K, ông Võ Văn S1, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị T, ông Võ Tấn P, bà Võ Thị C và bà Võ Thị Tuyết H, mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0000744, 0000745, 0000746, 0000747, 0000748, 0000749, 0000750, 0009901, 0009902 cùng ngày 10/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- NKK (9);
- NBK (4);
- NLQ (12);
- Lưu VP (6). HS (2), 38b (NTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long – Trần Thị Huyền Vân

Vũ Ngọc Huỳnh

